

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030 (sau đây viết tắt là Đề án 89).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc triển khai đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án 89).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức và cá

nhân tham gia triển khai thực hiện Đề án 89 và những đối tượng thụ hưởng Đề án 89.

Điều 2. Đối tượng tuyển sinh

1. Trình độ tiến sĩ:

a) Giảng viên đại học;

b) Những người đang theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước, ở nước ngoài hoặc chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa cơ sở giáo dục ở trong nước với cơ sở giáo dục ở nước ngoài nhưng không thuộc đối tượng thụ hưởng của Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ cam kết trở thành giảng viên của cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

2. Trình độ thạc sĩ: giảng viên các trường thuộc khối văn hóa, nghệ thuật và thể dục, thể thao.

Điều 3. Thời gian thực hiện tuyển sinh và hình thức đào tạo

1. Thời gian tuyển sinh: đến năm 2030.

2. Hình thức đào tạo:

a) Đào tạo chính quy toàn thời gian ở Việt Nam;

b) Đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài.

c) Đào tạo phối hợp một phần thời gian ở Việt Nam và một phần thời gian ở nước ngoài đối với trình độ tiến sĩ.

Điều 4. Chính sách học bổng và chi phí đào tạo

1. Đối với đào tạo toàn thời gian ở Việt Nam: người được cử đi đào tạo được cấp học phí; sinh hoạt phí; kinh phí thực tập, tham gia hội thảo ở nước ngoài và khen thưởng (nếu có).

2. Đối với đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài: người được cử đi đào tạo được cấp học phí; sinh hoạt phí; bảo hiểm y tế; vé máy bay một lượt đi và về; phí đi đường (01 lượt đưa đón ở sân bay về nơi ở lúc bắt đầu và kết thúc khóa học); khen thưởng; hỗ trợ một phần rủi ro bất khả kháng, phí chuyển, nhận tiền qua ngân hàng và các loại phí bắt buộc khác theo quy định của cơ sở tiếp nhận (nếu có).

3. Đối với đào tạo tiến sĩ theo hình thức phối hợp: người được cử đi đào tạo được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này khi học ở Việt Nam và theo quy định tại khoản 2 Điều này khi học ở nước ngoài.

4. Nội dung quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương với định mức chi theo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính cấp cho người được cử đi đào tạo trong thời gian theo yêu cầu của chương trình đào tạo nhưng không quá 02 năm đối với người được cử đi đào tạo thạc sĩ; không quá 04 năm đối với người được cử đi đào tạo tiến sĩ, trong đó kinh phí cấp cho thực tập, tham gia hội thảo ở nước ngoài đối với người được cử đi đào tạo hoàn toàn ở Việt Nam và các chương trình đào tạo phối hợp tối đa không quá 06 tháng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN THAM GIA ĐỀ ÁN

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

1. Điều kiện chung:

a) Đáp ứng quy định về đối tượng dự tuyển quy định tại Điều 2 Thông tư này;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đủ sức khỏe để đi học, không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đăng ký ngành học và trình độ đào tạo phù hợp với chuyên môn và nhu cầu công tác của cơ sở giáo dục đại học cử đi hoặc cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu tuyển dụng (sau đây viết tắt là cơ sở cử đi);

d) Đáp ứng điều kiện tuyển sinh của quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trong nước hiện hành và quy định của cơ sở đào tạo tiếp nhận theo học.

đ) Đáp ứng các quy định hiện hành về đào tạo cán bộ công chức, viên chức đối với đối tượng dự tuyển là cán bộ, công chức, viên chức.

2. Điều kiện cụ thể đối với ứng viên dự tuyển đi học ở nước ngoài

a) Không quá 35 tuổi nếu dự tuyển đi học thạc sĩ; không quá 45 tuổi nếu dự tuyển đi học tiến sĩ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào của cơ sở tiếp nhận ở nước ngoài.

3. Trường hợp ứng viên tham gia dự tuyển theo học chương trình tiến sĩ phối hợp phải đáp ứng một trong những điều kiện sau và do cơ sở tiếp nhận quyết định:

a) Yêu cầu của quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước hiện hành;

b) Yêu cầu của cơ sở tiếp nhận ở nước ngoài;

c) Thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo ở Việt Nam và cơ sở đào tạo ở nước ngoài nhưng phải bảo đảm phù hợp với pháp luật của hai nước.

Điều 6. Quyền lợi của người được cử đi đào tạo

1. Được cấp học bổng và chi phí đào tạo tương ứng với trình độ và hình thức đào tạo đã dự tuyển và trúng tuyển trong thời gian quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này.

2. Được hưởng các quyền lợi quy định tại Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi được cử đi đào tạo ở nước ngoài.

3. Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học công lập được hưởng thêm các quyền lợi khác theo quy định Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập được hưởng thêm các quyền lợi khác (nếu có) theo thỏa thuận giữa người được cử đi đào tạo và cơ sở cử đi.

Điều 7. Trách nhiệm của người được cử đi đào tạo

1. Thực hiện quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trong khuôn khổ Đề án 89 và của cơ sở cử đi.

2. Tuân thủ quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở tiếp nhận trong thời gian tham gia khóa đào tạo.

3. Thực hiện trách nhiệm theo Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi được cử đi đào tạo ở nước ngoài.

4. Có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành và bao gồm cả các trường hợp sau:

a) Tự ý bỏ học hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo;

b) Không hoàn thành chương trình đào tạo và không được cơ sở tiếp nhận đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;

c) Đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không quay trở lại làm việc tại cơ sở cử đi hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết.

Chương III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THAM GIA ĐỀ ÁN

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở cử đi đào tạo

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ của cơ sở trong phạm vi Đề án 89 từ 2021 đến 2030 phù hợp với chiến lược phát triển nhân lực của cơ sở.

2. Bồi dưỡng tạo nguồn đội ngũ giảng viên có nguyện vọng tham gia Đề án 89, bảo đảm hỗ trợ các ứng viên đáp ứng quy định về điều kiện dự tuyển và năng lực hoàn thành khóa đào tạo theo yêu cầu.

3. Bảo đảm đủ năng lực tự chủ tổ chức tuyển chọn công khai, minh bạch và công bằng; quản lý về hành chính, nhân sự, tài chính và giải quyết những phát sinh thuộc thẩm quyền trong quá trình thực hiện Đề án 89.

4. Quản lý và cấp phát học bổng của Đề án 89 tới người được cử đi đào tạo với định mức chi theo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính cấp cho người được cử đi đào tạo trong thời gian quy định.

5. Báo cáo tình hình triển khai đào tạo theo Đề án 89 của cơ sở gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

6. Có trách nhiệm thu hồi học bổng của Đề án khi người được cử đi đào tạo vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 7 của Thông tư này.

7. Thực hiện các hoạt động khác liên quan đến đào tạo trong khuôn khổ Đề án 89.

Điều 9. Quyền của cơ sở cử đi đào tạo

1. Tự chủ và chịu trách nhiệm giải trong công tác tuyển chọn ứng viên đáp ứng quy định tại Thông tư này.

2. Được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của cơ sở theo Đề án 89 và trên cơ sở thực hiện kế hoạch đào tạo hằng năm.

Điều 10. Yêu cầu đối với cơ sở tiếp nhận đào tạo

1. Yêu cầu chung:

a) Là cơ sở giáo dục đại học hoặc tổ chức giáo dục được phép tổ chức đào tạo và cấp bằng ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ các ngành phù hợp với yêu cầu của Đề án 89;

b) Bảo đảm đủ năng lực về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Yêu cầu cụ thể:

a) Cơ sở tiếp nhận đào tạo ở Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn và công bố hàng năm theo các tiêu chí ưu tiên, bao gồm: Cơ sở có chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được công nhận ở trong và ngoài nước; hoặc có đội ngũ giảng viên có năng lực nghiên cứu khoa học và trình độ chuyên môn ở mức cao hơn so với yêu cầu tối thiểu chung hoặc so với mức trung bình chung của hệ thống; hoặc cơ sở đang đào tạo các ngành thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Cơ sở tiếp nhận đào tạo ở nước ngoài có ngành đào tạo thuộc nhóm 300 - 500 ngành hàng đầu tại một số bảng xếp hạng nhóm ngành và lĩnh vực đào tạo có uy tín trên thế giới;

c) Đối với việc phối hợp đào tạo, cả hai cơ sở tiếp nhận đào tạo ở trong nước và ở nước ngoài phải đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ưu tiên các cơ sở có truyền thống và kinh nghiệm hợp tác với các cơ sở đào tạo ở trong nước, ở nước ngoài trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

3. Cơ sở đào tạo đáp ứng quy định tại Điều 8 của Thông tư này có nguyện vọng tham gia đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ trong phạm vi Đề án 89 gửi đăng ký theo hướng dẫn về Bộ Giáo dục và Đào tạo để được xem xét, lựa chọn và phê duyệt.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở tiếp nhận đào tạo

1. Tiếp nhận và quản lý người được cử đi đào tạo trong quá trình học tập tại cơ sở theo quy định hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ của cơ sở.

2. Thông tin đầy đủ hàng học kỳ (6 tháng/lần) về kết quả học tập và tiến độ học tập của người được cử đi đào tạo cho cơ sở cử đi; thông báo cho cơ sở cử đi khi người được cử đi học vi phạm hoặc không tuân thủ Quy chế đào tạo của cơ sở.

3. Hỗ trợ người được cử đi học hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu.

Điều 12. Quyền của cơ sở tiếp nhận đào tạo

1. Quảng bá được thương hiệu, minh chứng về chất lượng và năng lực tổ chức đào tạo khi tham gia đào tạo cho Đề án 89.

2. Mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tuyển chọn

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kế hoạch tuyển chọn ứng viên đi đào tạo các trình độ theo Đề án 89 và công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ (www.moet.gov.vn) trong tháng 2 hằng năm,

2. Căn cứ vào thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở cử đi xây dựng quy trình và tổ chức tuyển chọn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách ứng viên đủ điều kiện theo từng trình độ và hình thức đào tạo theo thứ tự ưu tiên gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo chậm nhất trước ngày 30 tháng 4 hằng năm.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt số lượng ứng viên được nhận học bổng theo Đề án 89 và gửi danh sách trúng tuyển cho cơ sở cử đi chậm nhất trước ngày 30 tháng 5 hằng năm.

Điều 14. Cử người đi đào tạo

1. Đối với những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện nhập học ngay sau khi có phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở cử đi ban hành quyết định cử cá nhân trúng tuyển đi đào tạo để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến nhân sự và tài chính chậm nhất trước ngày 31 tháng 6 hằng năm.

2. Trường hợp ứng viên thuộc danh sách được phê duyệt cấp học bổng của Đề án 89 đi học ở nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng chưa được tiếp nhận chính thức vào học tại cơ sở tiếp nhận ở nước ngoài:

a) Ứng viên được đăng ký theo học ngay tại một cơ sở tiếp nhận ở trong nước nếu có nguyện vọng;

b) Hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày danh sách phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực, nếu ứng viên vẫn chưa có kết quả chính thức từ cơ sở tiếp nhận nước ngoài, cơ sở cử đi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho ứng viên được chính thức chuyển sang hình thức đào tạo toàn thời gian ở trong nước hoặc phối hợp nếu ứng viên có nguyện vọng; kết quả học tập đã tích lũy của ứng viên được công nhận hoặc chuyển đổi theo quy định hiện hành;

c) Quá thời gian 18 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ứng viên nếu không được các cơ sở tiếp nhận nước ngoài tiếp nhận hoặc không có nguyện vọng chuyển hình thức đào tạo coi như từ chối học bổng của Đề án 89;

d) Thời gian được nhận học bổng của Đề án 89 được tính từ khi bắt đầu nhập học chương trình đào tạo chính thức tại cơ sở tiếp nhận đào tạo.

3. Cơ sở cử đi cập nhật và quản lý thông tin của từng ứng viên được nhận học bổng của Đề án 89 vào cơ sở dữ liệu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời hỗ trợ ứng viên chủ động liên hệ hoặc kết nối ứng viên với những cơ sở tiếp nhận đào tạo ở trong nước và ở nước ngoài đáp ứng quy định của Thông tư này theo các hình thức đào tạo đã đăng ký.

Điều 15. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nước, chuyển ngành học và chuyển hình thức đào tạo

1. Đối với những ứng viên theo học chương trình đào tạo toàn thời gian ở Việt Nam thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước hiện hành.

2. Đối với những ứng viên theo học chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài thực hiện theo Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước

ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của cơ sở tiếp nhận đào tạo của nước ngoài.

3. Đối với những ứng viên theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phối hợp hoặc áp dụng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước hiện hành hoặc theo quy định của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc theo thỏa thuận giữa hai cơ sở và phù hợp với pháp luật của các bên.

4. Ứng viên được chuyển hình thức đào tạo nếu đáp ứng được quy định về đối tượng dự tuyển theo các hình thức khác nhau và quy định của cơ sở đào tạo tiếp nhận nhưng chỉ được nhận học bổng của Đề án 89 trong khoảng thời gian theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này tính từ khi có quyết định nhập học chương trình đào tạo chính thức của hình thức đào tạo đầu tiên.

5. Ứng viên có nguyện vọng chuyển sang các chương trình đào tạo không thuộc Đề án 89 phải bồi hoàn kinh phí ngân sách của Đề án 89 đã cấp trong thời gian học tập, nghiên cứu (nếu có).

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ mỗi 06 tháng và khi kết thúc khóa đào tạo, người được cử đi đào tạo báo cáo cơ sở cử đi tiến độ, kết quả học tập và nghiên cứu (theo mẫu tại Phụ lục).

2. Trước ngày 15 tháng tháng 12 hàng năm, cơ sở cử đi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo việc triển khai đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ theo Đề án 89 (theo mẫu tại Phụ lục), trong đó phải bao gồm các nội dung sau:

a) Danh sách ứng viên trong quyết định phê duyệt trúng tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhập học chính thức trong năm theo các hình thức đào tạo ở trong nước, đào tạo ở ngoài nước và phối hợp đào tạo;

b) Danh sách ứng viên trúng tuyển đi học ở nước ngoài nhưng chưa nhập học chính thức tại các cơ sở tiếp nhận ở nước ngoài trong thời gian 18 tháng hiệu lực theo quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó cụ thể số lượng ứng viên đang theo học trong nước (nếu có) và số lượng ứng viên dự kiến sẽ nhập học chính thức tại các cơ sở tiếp nhận của nước ngoài trong năm tiếp theo;

c) Số lượng ứng viên dự kiến cử đi đào tạo năm tiếp theo các trình độ và hình thức.

3. Trước ngày 31 tháng tháng 12 hằng năm, cơ sở tiếp nhận báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời gửi báo cáo đến cơ sở cử đi:

a) Danh sách các ứng viên đang theo học các trình độ theo Đề án 89 tại cơ sở tiếp nhận bao gồm cả các trường hợp đã chuyển theo học tại cơ sở tiếp nhận theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này;

b) Dự kiến số tốt nghiệp trong năm tiếp theo.

4. Cơ sở cử đi phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính.

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra

1. Hằng năm cơ sở cử đi và cơ sở tiếp nhận đào tạo trong nước có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra nội bộ và tự đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này tại các cơ sở cử đi và cơ sở tiếp nhận đào tạo trong nước.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Cơ sở cử đi và cơ sở tiếp nhận đào tạo, người được cử đi đào tạo vi phạm quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở cử đi, cơ sở tiếp nhận đào tạo và những người trực tiếp vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau đây:

- a) Không đảm bảo công bằng khi tổ chức tuyển chọn đi học theo Đề án 89;
- b) Không quản lý tốt người học; để xảy ra tình trạng người được cử đi đào tạo tự ý đổi ngành học, bỏ học, học tập không đúng tiến độ không có lý do;
- c) Không lưu trữ các văn bản, tài liệu minh chứng cho việc triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này;
- d) Không thực hiện các quy định khác của Thông tư này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDĐTNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử của Chính phủ;
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh Sơn

PHỤ LỤC I
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO THEO ĐỀ ÁN 89
(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin sơ yếu lý lịch

1. Họ và tên: Giới tính: Nam Nữ.
Dân tộc:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Chức vụ và cơ quan đang công tác:
Thuộc Bộ, Ngành, Tỉnh:
 4. Hiện nay là giảng viên: Hợp đồng, từ ngày/tháng/năm.....
 5. Địa chỉ gửi thư:
Điện thoại: Cơ quan Nhà riêng DD
 - E-mail:.....
 6. Quá trình đào tạo:
 - 6.1. **Đại học:**
Thời gian đào tạo: năm. Từ... ..đến.....
Trường:.....
Nước:.....
Hệ đào tạo: Chính quy Không chính quy (ghi rõ):
 Đào tạo phối hợp:
Cơ sở đào tạo trong nước: Thời gian: từ.....đến.....
Cơ sở đào tạo nước ngoài: Thời gian: từđến.....
Ngành đào tạo:.....
Điểm trung bình học tập toàn khóa:Điểm bảo vệ khóa luận tốt nghiệp:.....
Loại tốt nghiệp (nếu có):.....
 - 6.2. **Thạc sĩ:**
Thời gian đào tạo: năm. Từ... ..đến.....
Trường:.....
Nước:.....
Hệ đào tạo: Chính quy Không (ghi rõ):
 Đào tạo phối hợp:
Cơ sở đào tạo trong nước: Thời gian: từ.....đến.....
Cơ sở đào tạo nước ngoài: Thời gian: từđến.....
Chuyên ngành:.....
Điểm trung bình học tập toàn khóa:Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp:
Loại tốt nghiệp (nếu có):.....
- Nếu người dự tuyển đã từng học tại nước ngoài thì đề nghị cung cấp rõ thông tin các học bổng/nguồn tài trợ đã được hưởng để đi học nước ngoài:
 ĐH, loại học bổng (chọn 1, 2,...theo danh mục liệt kê phía dưới):
 ThS, loại học bổng (chọn 1, 2,...theo danh mục liệt kê phía dưới):

- (1) Học bổng do ngân sách Nhà nước Việt Nam cấp (Bộ GDĐT cử đi học)
- (2) Học bổng theo các đề án đào tạo phối hợp được Bộ GDĐT cấp kinh phí
- (3) Học bổng diện Hiệp định (Bộ GDĐT cử đi học)
- (4) Học bổng do cơ sở đào tạo nước ngoài/ cơ quan, tổ chức quốc tế cấp (ghi rõ tên nơi cấp học bổng):
- (5) Nguồn tài trợ khác hoặc tự túc kinh phí (xin ghi rõ):.....

7. Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ Chưa có chứng chỉ
- Tiếng Anh: IELTSTOEFL. Ngày cấp: Nơi cấp:..
- Tiếng: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Tiếng: Ngày cấp: Nơi cấp:

II. Thông tin ngành học, cơ sở đào tạo

1. Cơ sở đào tạo trong nước (chỉ đăng ký 01 trường nếu tham gia sơ tuyển đi đào tạo trong nước hoặc theo hình thức phối hợp):.....
2. Cơ sở đào tạo nước ngoài (chỉ đăng ký 01 trường nếu đăng ký sơ tuyển đi đào tạo ở nước ngoài):.....
3. Ngành học đăng ký:.....
4. Ngoại ngữ sẽ sử dụng khi được tuyển chọn đi đào tạo:

XÁC NHẬN CỦA TRƯỜNG
(Thủ trưởng đơn vị ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày / /20
Người dự tuyển ký và ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC II
MẪU ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO
Ở TRONG NƯỚC THEO ĐỀ ÁN 89

(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT

ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần I. Thông tin chung

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo:

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: Lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; tầm nhìn, sứ mạng; chiến lược phát triển; số lượng các ngành được giao đào tạo tiến sĩ; thành tích nghiên cứu khoa học đạt được trong 5 năm trở lại đây; những ngành thuộc thế mạnh của cơ sở đào tạo.

Giới thiệu tóm tắt về cơ sở đào tạo phối hợp ở nước ngoài nếu đăng ký đào tạo theo hình thức phối hợp: Tên trường, tên nước, địa chỉ, website; vị trí và uy tín của cơ sở ĐT nước ngoài tại nước sở tại và trên thế giới; giới thiệu những nét chính của văn bản thoả thuận hoặc Hợp đồng phối hợp đào tạo đã có; kết quả đào tạo phối hợp đã triển khai (nếu có).

1.2. Danh sách các ngành đăng ký đào tạo cho Đề án 89

Phần II. Điều kiện và năng lực đào tạo của từng ngành đào tạo

2.1. Kết quả đào tạo tiến sĩ

Bảng 2.1. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong những 5 năm gần đây

	Năm...	Năm....	Năm....	Năm...	Năm.
Chỉ tiêu tuyển mới					..
Số NCS tuyển mới					
Quy mô đào tạo					
Số tốt nghiệp và được cấp bằng TS					
Số NCS quá hạn (tính theo năm tuyển)					
Số NCS thôi học (tính theo năm tuyển)					

2.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

Bảng 2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Ngành tham gia đào tạo	Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ	Số NCS đang hướng dẫn	Số bài báo công bố trong nước 5 năm trở lại đây	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm trở lại đây
1								

2	...						
---	-----	--	--	--	--	--	--

2.3. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng

a) Thư viện: Giới thiệu, mô tả về nguồn tài liệu chuyên môn phục vụ ngành đào tạo, chia ra:

- Về sách chuyên khảo phục vụ ngành đào tạo;
- Về tài liệu, tạp chí ngành trong và ngoài nước của trường và của khoa;
- Về thư viện điện tử, khả năng kết nối, khai thác, sử dụng tài liệu của thư viện khoa học trong và ngoài nước; với cơ sở nước ngoài có hợp tác nghiên cứu, đào tạo với trường..

Bảng 2.3.1 Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước, ngoài nước có khả năng kết nối và khai thác:

TT	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn, địa chỉ website
1			
2			

b) Phòng thí nghiệm phục vụ ngành đào tạo

Bảng 2.3.2. Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm... ngành

STT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm	Tình trạng trang thiết bị và hiệu suất hoạt động hiện tại
1		
2		

2.4. Hợp tác quốc tế

a) Hội nghị, hội thảo khoa học ngành trong và ngoài nước

Bảng 2.4.1. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đào tạo trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1				
2				

b) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài

Bảng 2.4.2. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học về ngành đào tạo trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1					
2					

- Khả năng hỗ trợ NCS công bố bài báo quốc tế: về chuyên môn, thủ tục, tài chính...

- Tên các chương trình (hay NCS) được đào tạo theo hình thức phối hợp, đồng hướng dẫn với nước ngoài.

2.5. Chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh, tổ chức đào tạo

Phần II. Dự toán kinh phí đào tạo 1 NCS ở trong nước (tính theo ngành).

Nơi nhận:

-.....

-.....

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN ĐI ĐÀO TẠO THEO ĐỀ ÁN 89 NĂM 202...¹

(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên ngành đào tạo (nhóm theo mã cấp III)	Số lượng		Phương thức đào tạo			Dự kiến cơ sở đào tạo tiến sĩ			Dự kiến kinh phí			
		Tổng số	Chia theo trình độ		Trong nước	Ngoài nước	Phối hợp	Trong nước	Nước ngoài	Phối hợp	Trong nước	Phối hợp	Nước ngoài
			ĐH	Ths									
1													
2													
3													

¹ Năm tiếp theo của năm đào tạo để dự toán kinh phí cho năm kế tiếp

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH THEO ĐỀ ÁN 89

(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGHIÊN CỨU SINH ĐI ĐÀO TẠO THEO ĐỀ ÁN 89

Kính gửi:

Họ và tên: Ngày sinh:

Trường đại học nơi cử đi đào tạo:

Quyết định cử đi học số ngày của

Với thời gian học tập: từ ngày.....đến ngày.....

Thời gian gia hạn học tập tại: (cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài).....từ tháng .../ 20... đến tháng .../20...

Ngày kết thúc khóa học:

Kết quả học tập ⁽²⁾:

- Văn bằng được cấp:

- Kết quả học tập:

- Tên đề tài luận án tiến sĩ/ luận văn thạc sĩ, vấn đề thực tập:

- Họ, tên và học hàm, học vị của người hướng dẫn

- Đánh giá của cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài (nếu có, viết tóm tắt):

Nguyện vọng, đề nghị ³ :

Địa chỉ cơ quan, nhà riêng, số điện thoại, email sau khi trở lại công tác hoặc được phân công, tuyển dụng (bắt buộc phải cung cấp thông tin này):

Tôi xin cam đoan nội dung báo cáo là đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20....

Người báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

² Ghi rõ văn bằng được cấp (khi đã tốt nghiệp), nếu chưa có bằng tốt nghiệp thì phải trình bày rõ lý do; ghi rõ kết quả xếp loại học tập (nếu có); hoặc số môn đạt điểm A, điểm B, C... hoặc theo cách cho điểm của cơ sở đào tạo (đối với báo cáo kết thúc khóa học); Kết quả học tập các môn học (đối với báo cáo định kỳ 6 tháng);

³ Ghi rõ: đề nghị với trường đại học nơi cử đi đào tạo về nguyện vọng được phân công nhiệm vụ gì; nêu rõ vấn đề hoặc công trình kiến nghị được ứng dụng, khả năng ứng dụng, yêu cầu được học tập bồi dưỡng thêm.

PHỤ LỤC V

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THEO ĐỀ ÁN 89

(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo trình độ tiến sĩ

STT	Ngành đào tạo	Số lượng sơ tuyển			Số lượng tuyển chọn			Số lượng trúng tuyển			Đào tạo dự bị		Số lượng tốt nghiệp
		Trong nước	Ngoài nước	Phối hợp	Trong nước	Ngoài nước	Phối hợp	Trong nước	Ngoài nước	Phối hợp	Số lượng đi đào tạo	Số đủ điều kiện sơ tuyển	
1													
2													
3													

II. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ

STT	Ngành đào tạo	Số lượng sơ tuyển		Số lượng tuyển chọn		Số lượng trúng tuyển		Đào tạo dự bị		Số lượng tốt nghiệp
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Số lượng đi đào tạo	Số đủ điều kiện sơ tuyển	
1										
2										
3										

III. Kinh phí thực hiện đào tạo theo Đề án 89

Thủ trưởng

(ký tên và đóng dấu)